

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Quảng Trị số 51A/CV-HQT ngày 17/07/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 173/TTr-SNNMT ngày 18/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Trị, địa chỉ tại Đường RD6, Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay thuộc xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường RD6, Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay thuộc xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200264157 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 31/05/2007, thay đổi lần thứ 8 ngày 04/01/2023.

1.4. Mã số thuế: 3200264157.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi khu đất Nhà máy có tổng diện tích là 79.187 m² được thực hiện tại Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay thuộc xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị). Trong đó:

+ Các hạng mục công trình chính có diện tích 14.902 m², bao gồm: Kho nguyên liệu 247 m²; Khu vực xử lý nguyên liệu: 108 m²; Khu nhà nấu: 7.170 m²; Nhà bồn tank lên men, tank thành phẩm và nhà lọc: 117 m²; Nhà nồi hơi: 100 m²; Nhà lên men, chứa men, bã thải men: 460 m²; Nhà chiết chai, keg kho thành phẩm: 4.608 m²; Nhà động lực: 1.152 m²; Khu xử lý nước cấp: 300 m²; Khu vực nhập, chọn vỏ chai và chất thải rắn: 640 m²;

+ Các hạng mục công trình phụ trợ có diện tích 10.603 m², bao gồm: Nhà văn phòng: 60 m²; Nhà ăn: 50 m²; Cổng (cái): 2 m²; Nhà để xe cán bộ công nhân viên: 100m²; Đường giao thông nội bộ: 10.391 m².

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường có diện tích 53.683 m², bao gồm: Khu xử lý nước thải: 560 m²; Kho chất thải rắn: 100 m²; Kho tro trấu, xỉ than: 62,5 m²; Kho chất thải nguy hại: 8 m²; Cây xanh, thảm cỏ: 50.282 m²; 02 Hồ sinh học: 2.670 m².

- Nhóm Dự án: B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất sản xuất: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị đầu tư chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn I: Công suất 15 triệu lít/năm; Giai đoạn II: Công suất 25 triệu lít/năm. Hiện nay Công ty đã hoàn thành đầu tư đảm bảo hoạt động với công suất 25 triệu lít/năm.

- Quy trình công nghệ:

(1) Malt → Làm sạch → Xay nghiền → Cân → Trộn bột → Nấu Malt → Lọc hèm;

(2) Gạo → Làm sạch → Xay nghiền → Cân → Trộn bột → Nấu gạo → Lọc hèm;

(3) Malt và Gạo sau khi xử lý và nấu (tại công đoạn 1 và 2) được trộn và Lọc hèm → Đun sôi → Lắng cặn → Hạ nhiệt → Lên men → Lọc bia → Bia trong → Chiết lon và Chiết Keg.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Các Sở: NN&MT, Công Thương;
- BQL Khu Kinh tế tỉnh;
- UBND xã Gio Linh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT(Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Cơ sở: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng xưởng sản xuất.
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất từ các công đoạn nấu, lọc bia, thanh trùng, vệ sinh thiết bị, đường ống.
- Nguồn số 05: Nước thải từ vệ sinh nhà xưởng.
- Nguồn số 06: Nước thải từ công đoạn xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 07: Nước thải từ khu vực chứa bùn, bã hoa, bột trợ lọc.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng

2.1. Nguồn tiếp nhận:

- Nước thải sinh hoạt tại các khu vực (tương ứng với các nguồn số 01, 02, 03): được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý chung để tiếp tục xử lý.
- Nước thải sản xuất tại các khu vực (tương ứng với các nguồn số 04, 05, 06, 07): được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý chung.
- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý chung được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải

Nước thải được đầu nối vào hố ga loại 1, tại K0+0.00 trên tuyến nhánh thoát nước thải từ K0+0,00 đến K1+73,28 của Khu công nghiệp Quán Ngang. Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.867.825 m; Y: 589.357 m (theo Hệ tọa độ VN2000, KT trực 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 533 m³/ngày.đêm

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.5. Chế độ xả nước thải:

- Nguồn số 01, 02, 03, 04, 05: Xả liên tục
- Nguồn số 06, 07: Xả gián đoạn

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo Tiêu chuẩn đầu vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Quán Ngang, quy định tại Giấy phép môi trường số 31/GPMT-BNNMT ngày 31/3/2025 của Bộ NN&MT (Tối đa 33 thông số). Số lượng, loại thông số có thể điều chỉnh khi có Thỏa thuận hoặc Hợp đồng đầu nối của Chủ Cơ sở và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng sản xuất, khu vực văn phòng xưởng sản xuất: Thu gom xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống ống thu → Hồ ga hệ thống thu gom nước thải sản xuất → Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

b. Đối với nước thải sản xuất:

- Nhà máy đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước thải sản xuất (Hệ thống thu gom, xử lý độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước mưa), bao gồm cống thoát nước HDPE tròn trơn, rãnh thoát nước thải xây gạch, máng nước Inox, 15 hố ga.

- Quy trình thu gom và thoát nước thải: Nước thải sản xuất → Hệ thống thu gom nước thải sản xuất → Hồ ga → Ống HDPE DN300 chôn ngầm → Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Quán Ngang.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Nhà máy đã xây dựng 03 bể tự hoại với tổng thể tích là 20 m³:

- Khu vực văn phòng: 5 m³.
- Khu vực nhà xưởng sản xuất: 10 m³.
- Khu vực văn phòng xưởng sản xuất: 5 m³.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

Nhà máy đã xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải có công suất 533m³/ngày.đêm bằng bê tông cốt thép với quy trình công nghệ như sau:

Nước thải → Hồ gom, song chắn rác → Bể cân bằng → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Quán Ngang.

Kích thước các bể xử lý nước thải:

TT	Tên bể	Kích thước DxRxH (mm)	Thể tích (m³)	Số lượng (bể)
1	Hồ gom	4.000x2.000x4.000	32	01
2	Bể cân bằng	8.800x7.450x5.000	327,8	01
3	Bể xử lý kỵ khí	13.400x6.000x6.000	482,4	01
4	Bể lắng kỵ khí	6.000x3.450x5.000	103,5	01
5	Bể Aerotank 1	8.800x6.200x5.000	272,8	01
6	Bể Anoxic	8.800x5.500x5.000	242	01
7	Bể Aerotank 2	8.800x4.900x5.000	215,6	01
8	Bể lắng sinh học	DxH = 6.000x4.500	127,17	01
9	Bể khử trùng	4.550x1.200x4.500	24,57	01
10	Bể chứa bùn	1.200x1.200x4.500	6,48	01
11	Bể nén bùn	DxH = 3.000x4.000	28,26	01

Danh mục máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
I	BỂ GOM		
1	Bơm chìm bể gom	Cái	02
2	Phao mực nước	Cái	01
3	Máy tách rác bể gom	Máy	01
II	BỂ CÂN BẰNG		
1	Bơm chìm bể gom	Cái	02
2	Máy khuấy trộn chìm	Cái	02
3	Máy tách rác bể cân bằng	Máy	01
4	Phao mực nước	Cái	01
III	BỂ XỬ LÝ KỶ KHÍ		
1	Máy khuấy trộn chìm	Cái	03
2	Hệ thống đốt khí Biogas	Hệ	01
IV	BỂ LẮNG KỶ KHÍ		
1	Bơm bùn bể kỵ khí	Cái	02
V	AEROTANK		
1	Đĩa phân phối khí tinh	Cái	108
2	Máy thổi khí	Cái	02
VI	BỂ ANOXIC		
1	Máy khuấy trộn chìm	Cái	02
VII	BỂ LẮNG SINH HỌC		
1	Mô tơ và hộp giảm tốc	Cái	01

2	Ổng lắng trung tâm	Cái	01
3	Máng răng cưa	Cái	04
4	Tấm chắn bọt	Cái	04
VIII	BỂ CHỨA BÙN		
1	Bơm bùn tuần hoàn	Cái	02
2	Bơm bùn dư	Cái	01
IX	BỂ NÉN BÙN		
1	Mô tơ và hộp giảm tốc	Cái	01
2	Máy ép bùn băng tải	Cái	01
3	Bơm bùn trục vít	Cái	01
X	HỆ HÓA CHẤT		
1	Bồn hóa chất H ₂ SO ₄	Cái	01
2	Bồn hóa chất NaOH	Cái	01
3	Bồn khuấy NaOH	Cái	01
4	Bồn hóa chất khử trùng Chlorine Ca(ClO) ₂	Cái	01
5	Bồn hóa chất Polyme	Cái	02
6	Bơm định lượng H ₂ SO ₄	Bộ	02
7	Bơm định lượng NaOH	Bộ	02
8	Bơm định lượng Chlorine Ca(ClO) ₂	Bộ	02
9	Bơm định lượng Polyme	Bộ	02

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quán Ngang nên không thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ tiến hành thuê đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát chất lượng nước thải, đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý luôn đạt Quy chuẩn đầu ra.

- Nhà máy đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải nhằm kịp thời đề phòng, kiểm soát sự cố nếu xảy ra, tránh gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến môi trường nguồn tiếp nhận nước thải.

- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, để kịp thời phát hiện các lỗi kỹ thuật có thể mắc phải trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Nhà máy luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định Nhà nước để không xảy ra các sự cố.

- Hệ thống bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép, giảm thiểu đến mức thấp nhất việc hư hỏng, rò rỉ nước thải. Thiết bị vận hành hệ thống đều hoạt động với cơ chế 01 vận hành, 01 dự phòng.

- Thường xuyên bố trí cán bộ kiểm tra và vệ sinh tuyến thoát nước, thu gom rác thải tránh hiện tượng tắc nghẽn hệ thống và hạn chế tối đa sự cố như rò rỉ nước thải cũng như nứt vỡ đường ống thoát nước xảy ra.

- Bố trí 01 cán bộ có trình độ chuyên môn để vận hành, bảo dưỡng hệ thống. Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy gặp sự cố, cán bộ vận hành sẽ nhanh chóng kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện vị trí hư hỏng và sửa chữa. Đồng thời, thông báo đến Ban lãnh đạo đơn vị được biết và kịp thời ngừng hoạt động sản xuất để khắc phục, sửa chữa hư hỏng hệ thống xử lý. Chỉ hoạt động sản xuất trở lại khi hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy hoạt động và xử lý đảm bảo.

- Nhà máy sử dụng 02 hồ sinh học (cũ) làm hồ sự cố, nhằm mục đích lưu chứa nước thải khi hệ thống gặp sự cố không xử lý được. Cả 02 hồ đều được lót bạt HDPE, hồ 01 có kích thước: D_xR_xH = 49.000x30.000x2.000 mm, hồ 02 có kích thước: D_xR_xH = 40.000x30.000x2.000 mm, tổng thể tích 02 hồ khoảng 4.200 m³, trong trường hợp có sự cố thì nước thải có thể lưu giữ được 08 ngày. Nước thải được dẫn từ hệ thống sang hồ sự cố bằng đường ống HDPE Ø160, theo hình thức tự chảy do chênh cao độ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Nhà máy không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quán Ngang.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Cơ sở: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu malt.
- Nguồn số 02: Bụi từ công đoạn thu hồi bụi xử lý nguyên liệu gạo.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ công đoạn xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép 01.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ công đoạn xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép 02.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Tại ống thoát khí sau khi qua hệ thống lọc bụi túi vải của quá trình xử lý nguyên liệu malt. Tọa độ X: 1.867.675 m; Y: 589.270 m.
- Nguồn số 02: Tại ống thoát khí sau khi qua hệ thống lọc bụi túi vải của quá trình xử lý nguyên liệu gạo. Tọa độ X: 1.867.675 m; Y: 589.272 m.
- Nguồn số 03: Tại ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép 1. Tọa độ X: 1.867.753 m; Y: 589.288 m.
- Nguồn số 04: Tại ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt củi ép 2. Tọa độ X: 1.867.752 m; Y: 589.290 m.

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', mũi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 4.800 m³/giờ.
- Nguồn số 02: 4.800 m³/giờ.
- Nguồn số 03: 15.000 m³/giờ.
- Nguồn số 04: 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng số 01, 02: xả gián đoạn, cường bức bằng quạt hút.
- Dòng số 03, 04: xả liên tục, cường bức bằng quạt hút.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

Chất lượng khí thải trước khi xả môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01, 02: Chất lượng khí thải trước khi xả môi trường tiếp nhận phải đảm bảo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc. Nồng độ các chất ô nhiễm sau khi xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 02:2019/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ
			Bụi toàn phần	Bụi hô hấp	
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	01 lần/năm
2	Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác	mg/m ³	8,0	4,0	

- Dòng thải số 03, 04: Chất lượng khí thải trước khi xả môi trường tiếp nhận phải đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT - QCKTQG về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B, Kp=1; Kv=1). Nồng độ các chất ô nhiễm sau khi xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1; Kv=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		

Ghi chú:

+ Cột B: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ Kp = 1,0 (Hệ số lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000$); Kv = 1,0 (Phân vùng khu công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

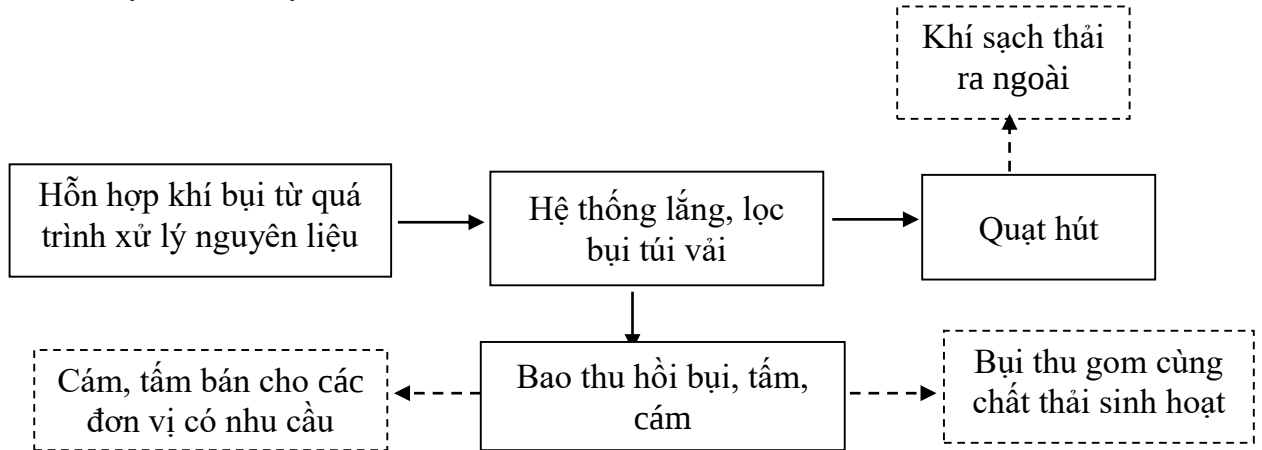
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi phát sinh từ quá trình nhập, xử lý nguyên liệu malt và gạo

Nhà máy đã lắp đặt hoàn thiện 02 hệ thống xử lý bụi riêng biệt từ quá trình nhập nguyên liệu, xử lý nguyên liệu của malt và gạo phục vụ cho công suất 25 triệu lít/năm. 02 hệ thống đều có cùng công nghệ là thiết bị lọc bụi túi vải, có cùng thông số kỹ thuật.

Quy trình xử lý bụi cụ thể như sau:



- Công suất của 01 hệ thống xử lý: 4.800 m³/h.
- Thông số thiết bị hệ thống xử lý:

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Quạt hút bụi	- Vận tốc quay: 2.900 vòng/phút - Điện áp: 380V/ 50Hz - Công suất quạt: 7,5 kW	Máy	02
2	Thiết bị lọc bụi túi vải	- Vật liệu: CT3, Thiết bị được sơn tĩnh điện màu trắng. - Diện tích lọc bụi: 36m² - Cột áp hút: 200 mmH₂O - Lưu lượng khí qua hệ thống: 4.800 m³/h - Thiết bị giữ bụi: Giữ bụi bằng khí nén - Áp suất khí nén giữ bụi: 6bar - Kích thước thiết bị chứa túi vải: Đường kính x chiều cao: Ø1.340 x 4.823 mm. - Số lượng túi vải: 15 túi. - Thiết bị cảnh báo mức bụi cao và thấp để báo người vận hành xả bụi định kỳ cho lọc bụi	Máy	02

1.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải lò hơi

Nhà máy đã đầu tư 02 hệ thống lò đốt cung cấp hơi và 02 hệ thống xử lý khí thải riêng biệt cho 02 hệ thống lò đốt, đảm bảo cung cấp hơi, xử lý khí đáp ứng với công suất hoạt động là 25 triệu lít/năm.

- Quy trình công nghệ: Khí thải từ quá trình đốt củi ép → Xyclon → Bộ hâm nước → Quạt hút → Xyclon ướt → Bể đập bụi → Ống thoát khí.
- Công suất của 01 hệ thống xử lý: 15.000 m³/h.
- Thông số thiết bị hệ thống xử lý:

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Quạt hút khói	- Lưu lượng: 15.000 m ³ /h - Điện áp: 380v/ 50Hz - Công suất quạt: 15 kW	Cái	02
2	Xyclon	- Vật liệu: Thép CT3 - Kích thước DxRxH = 900x900x3.600mm	Cái	02
3	Bộ hâm nước	- Vật liệu: Thép CT3 - Kích thước DxRxH = 1.400x1.400x2.480mm	Cái	02
4	Xyclon ướt	- Vật liệu: Thép CT3 - Kích thước Đường kính x chiều cao: Ø1.000 x 2.400 mm.	Cái	02
5	Bể dập bụi	- Vật liệu: bê tông cốt thép - Kích thước DxRxH = 3.800x2.500x2.000mm	Bể	02
6	Ống khói	- Vật liệu: Thép CT3 - Đường kính: Ø610 mm - Chiều cao: 12m	Cái	02

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

** Hệ thống xử lý bụi từ quá trình xử lý nguyên liệu malt, gạo:*

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, tình trạng hoạt động của hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí cán bộ có chuyên môn, kỹ thuật vận hành và theo dõi hệ thống.

- Trong quá trình vận hành, người vận hành thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nguyên liệu và hệ thống thu hồi bụi đảm bảo hệ thống vận hành ổn định.

- Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, người vận hành sẽ kiểm tra và khắc phục sự cố. Nếu sự cố được khắc phục ngay lập tức thì tiếp tục cho hệ thống vận hành, trong trường hợp không khắc phục được thì người vận hành có quyền tạm dừng hệ thống xử lý nguyên liệu và thông báo đến Trưởng bộ phận. Trưởng bộ phận sẽ thông báo đến Giám đốc và xin ý kiến chỉ đạo. Hệ thống chỉ hoạt động trở lại khi sự cố đã được khắc phục vận hành ổn định.

** Hệ thống xử lý khí thải lò hơi:*

- Định kỳ tiến hành thuê đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát chất lượng khí thải, đảm bảo khí thải sau hệ thống xử lý luôn đạt Quy chuẩn đầu ra.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng và vệ sinh bên trong lò hơi, lò sấy và vệ sinh dưới bụng lò, vệ sinh đường thoát khói trong trường hợp bị tắc đường dẫn khói phải ngừng lò và làm vệ sinh.

- Theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.

- Trong quá trình hoạt động của lò hơi, Nhà máy định kỳ 1 tháng kiểm tra 1 lần toàn bộ lò. Đặc biệt chú ý các loại van, áp kế và ống khói xem có hiện tượng rò rỉ, tích tụ tro ở cuối lò, hư hỏng các lớp vữa chịu nhiệt, nếu có hiện tượng hư hỏng cần khắc phục hoặc thay thế kịp thời trước khi đưa vào vận hành.

- Công nhân vận hành lò hơi được đào tạo và có chứng chỉ đảm bảo đủ tiêu chuẩn vận hành lò hơi do các trường lớp có đủ tư cách pháp nhân cấp theo qui định của cấp có thẩm quyền. Tuyệt đối không bố trí lao động nữ vận hành lò hơi.

- Lập quy trình vận hành và quy định an toàn đối với lò hơi.

- Khi xảy ra sự cố lò cần thực hiện các bước: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí vào lò; Nhanh chóng đưa củi ép đang cháy ra khỏi buồng đốt; Sau khi chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại, để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành và đặc biệt tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò sấy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Nhà máy không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Quá trình vận hành, nếu có một trong những thông số xả khí thải vượt QCVN về khí thải, Nhà máy thực hiện các biện pháp giảm thiểu bổ sung để xử lý bụi đảm bảo quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường. Đồng thời quan trắc môi trường bổ sung để đánh giá mức độ phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Hàng ngày vệ sinh khuôn viên để hạn chế việc phát tán bụi do phương tiện giao thông ra vào Cơ sở.

- Sân bãi, đường liên thông nội bộ được xây bằng bê tông hoặc rải nhựa nên sẽ giảm thiểu được bụi do phương tiện gây nên.

- Treo bảng quy định hạn chế tốc độ của phương tiện ra vào khu vực tại các cổng ra vào, nơi gửi xe, đỗ xe. Xe gắn máy phải tắt máy khi ra vào gửi xe.

- Bố trí hệ thống cây xanh thảm cỏ tạo cảnh quan đảm bảo sự cách ly, thông thoáng giữa khu vực sản xuất và khu vực khác.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy nghiền, máy xay tại nhà xay nghiền nguyên liệu.
- Nguồn số 02: Máy nén tại khu vực nhà động lực.
- Nguồn số 03: Máy chiết bia lon tại khu vực chiết bia thành phẩm.
- Nguồn số 04: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Nguồn số 05: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy nghiền, máy xay tại nhà xay nghiền nguyên liệu. Tọa độ X: 1.867.677 m; Y: 589.292 m;
- Nguồn số 02: Máy nén tại khu vực nhà động lực. Tọa độ X: 1.867.694 m; Y: 589.305 m;
- Nguồn số 03: Máy chiết bia lon tại khu vực chiết bia thành phẩm. Tọa độ X: 1.867.730 m; Y: 589.322 m;
- Nguồn số 04: Quạt hút của hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tọa độ X: 1.867.751m; Y: 589.284 m;
- Nguồn số 05: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X: 1.867.357m; Y: 589.357 m.

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung bên trong nhà máy: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 24:2016/BYT - QCKTQG về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; 27:2016/BYT - QCKTQG về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 8h	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	85	QCVN 24/2016/BYT	01 lần/năm
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	1,4	QCVN 27/2016/BYT	

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung xung quanh nhà máy: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BYT	01 lần/năm
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Trong quá trình sử dụng thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc lò xo giảm chấn động cho một số máy móc nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Công nhân làm việc ở những khu vực có độ ồn cao được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai,...

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao.

- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 1 lần/năm theo quy định;

- Ngoài ra, Nhà máy trồng cây xanh trong khuôn viên đất để cải thiện môi trường sản xuất. Hạn chế tiếng ồn lan truyền trong phạm vi khu vực sản xuất và ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Cơ sở.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Trong quá trình hoạt động sản xuất, chất thải nguy hại phát sinh từ các nguồn như: vệ sinh, bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị, in ấn trong quá trình sản xuất, hoạt động văn phòng với thành phần như: giẻ lau, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in, hộp mực, các thiết bị điện thải bỏ....

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải nguy hại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại (dầu, nhớt)	Rắn	18 02 01
3	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08
4	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01
5	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03

- Tổng khối lượng: chất thải nguy hại khoảng 190 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

Trong hoạt động sản xuất bia, chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ: Bã men thải, bã hèm thải, bìa carton, bao gai chứa nguyên liệu và nắp, vỏ lon, thùng nhựa, tro trấu, xỉ than, bùn thải...như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải
1	Bã hèm thải: Phát sinh sau quá trình nấu hăng ngày	Rắn	14 08 02
2	Bã men thải: Phát sinh từ quá trình lên men bia	Rắn	14 08 02
3	Chất rắn vô cơ: Bìa carton, bao gai chứa nguyên liệu, nắp, vỏ lon, nắp lon, các can, thùng nhựa,..	Rắn	14 08 04
4	Tro, xỉ than từ quá trình đốt lò	Rắn	04 02 06
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.	Rắn	14 08 05

6	Bột trợ lọc từ quá trình lọc bia.	Rắn	18 02 02
7	Bã hoa	Rắn	14 08 01
8	Bụi thu hồi từ hệ thống lọc bụi khu vực xử lý nguyên liệu malt, gạo	Rắn	14 08 02

- Tổng khối lượng: Chất thải công nghiệp thông thường khoảng 1.600 tấn/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Lượng chất thải rắn phát sinh từ 92 cán bộ công nhân viên; thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, chai, lon, vỏ hoa quả... tổng lượng phát sinh khoảng 46 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của Cơ sở sẽ được thu gom theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường, cụ thể:

- Chất thải nguy hại dạng rắn được thu gom, lưu giữ vào 05 thùng rác loại 240 lít và chất thải nguy hại dạng lỏng được chứa vào 01 thùng phuy 200 lít, tất cả đều có nắp đậy và được dán nhãn để nhân viên thu gom biết phân loại chất thải.

- Chất thải nguy hại sau khi được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy được lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 8 m², nền bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường bao quanh bằng tôn, ở vị trí khu vực xử lý nước thải.

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Cơ – Điện – Môi trường LILAMA thu gom và vận chuyển đi với tần suất thu gom 1 năm/lần.

- Tăng cường nhắc nhở cán bộ của nhà máy thường xuyên vệ sinh, thu gom chất thải trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng thiết bị, lưu tại khu vực kho chứa theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Bã men thải được lưu chứa trong tank inox có thể tích 14 m³. Bã hèm được chứa trong silo có thể tích 25 m³. Nhà máy đã hợp đồng với Công ty Trường Ngân Phát thu gom nhằm sản xuất thức ăn gia súc.

- Chất thải rắn công nghiệp sẽ được tập kết tại bãi ở khu vực kho chiết, có diện tích 100 m². Đối với chất thải rắn như Bìa carton, bao gai chứa nguyên liệu, nắp, vỏ lon, nắp lon sẽ được bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Đối với can, thùng nhựa sẽ được chuyển lại cho đơn vị nhà cung cấp.

- Tro, xỉ than phát sinh từ quá trình đốt lò sẽ được lưu chứa ở bãi có diện tích 62,5 m². Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà đến vận chuyển và xử lý.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, Bột trợ lọc phát sinh từ quá trình lọc bia và Bã hoa sẽ được lưu tại 03 ô chứa bê tông cốt thép, có mái che ở khu vực xử lý nước thải, kích thước mỗi ô là $D \times R = 2 \times 10$ m. Hiện nay, Công ty Cổ phần bia Hà Nội – Quảng Trị đã hợp đồng theo năm với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà đến vận chuyển và xử lý.

- Bụi thu hồi từ hệ thống lọc bụi khu vực xử lý nguyên liệu malt, gạo: Tận dụng các bao bì chứa malt gạo thải để thu gom, tập trung tại khu vực xử lý nguyên liệu, định kỳ hộ dân thu mua vào vận chuyển đi làm thức ăn chăn nuôi.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Nhà máy sử dụng các thùng chứa có nắp đậy để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Các thùng rác bố trí ở các khu văn phòng, khu vực nhà ăn và dọc theo đường nội bộ trong khuôn viên Nhà máy.

- Quy định đối với toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy để rác vào thùng, không được phép vứt rác bừa bãi.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được phân loại tại nguồn, Nhà máy đã bố trí 10 thùng rác 120 lít và 06 thùng rác 03 ngăn 120 lít, tại khu vực sân bãi và khu vực sản xuất, định kỳ 2 ngày/lần sẽ có nhân viên lao công sử dụng thùng rác di động 1.000 lít đến thu gom rác ở từng vị trí để đưa về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, có diện tích 7 m², nền bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường bao quanh bằng tôn, ở vị trí khu vực xử lý nước thải.

- Hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị Gio Linh vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 tuần/lần.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ, giấy vụn, bìa carton,... sẽ được thu gom, tập kết tại khu vực kho chiết, có mái che và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Trang bị, bố trí bình chữa cháy xách tay tại tất cả các khu vực của Nhà máy, bao gồm 57 bình chữa cháy xách tay MFZL4 (dạng bột) và 37 bình chữa cháy xách tay MT3 (dạng CO₂).

- Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

- Bố trí các thiết bị chữa cháy tại những nơi dễ thấy, dễ cháy gồm: Nút ấn báo cháy, chuông báo cháy, đèn báo cháy với số lượng 21 cái ở khu vực xưởng sản xuất, văn phòng; 03 máy bơm nước tại bể chứa nước trung tâm; 57 bình chữa cháy xách tay MFZL4 (dạng bột) và 37 bình chữa cháy xách tay MT3 (dạng CO₂); hệ thống vòi phun nước.... để chữa cháy khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Xây dựng bể chứa nước trung tâm phục vụ chữa cháy với thể tích 189 m³, tại trung tâm khu vực sản xuất.

- Lắp đặt các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy xung quanh nhà xưởng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực hiện phòng chữa cháy cho mọi người.
- Thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện.
- Các thiết bị sử dụng hơi, khí nén phải có hệ thống bảo vệ quá áp, quá nhiệt.
- Các loại nguyên, nhiên liệu dễ cháy cần được chứa và bảo quản nơi thoáng với hàng rào cách ly có tường bao để ngăn chặn khả năng lan truyền khi có sự cố.
- Đưa ra các nội quy cán bộ công nhân viên không được hút thuốc trong khuôn viên cơ sở.
- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn và thực hành về công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên.
- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét cho toàn bộ Nhà máy, tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

2. Phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn giao thông

- Nhà máy đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu các chất ô nhiễm, tiếng ồn, khí thải phát sinh góp phần làm giảm thiểu tác động đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên và người dân xung quanh.
- Thực hiện các quy định phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân phù hợp với từng vị trí, điều kiện làm việc theo quy định.
- Trang bị đầy đủ thuốc và dụng cụ y tế cần thiết, tổ chức tập huấn sơ cứu tại chỗ để có thể sơ cứu kịp thời cho các trường hợp xảy ra tai nạn lao động.
- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.
- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.
- Đối với công nhân kỹ thuật thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc.
- Xây dựng nhà xưởng rộng rãi, cao ráo tạo nên không khí thoáng mát tại xưởng làm việc.
- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 1 lần/năm theo quy định.
- Các phương tiện cá nhân của cán bộ công nhân viên, xe chuyên chở nguyên vật liệu sản phẩm ra vào phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Quan trắc môi trường khí thải lò đốt:

- Số lượng quan trắc: 02 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải lò đốt.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1, Kv = 1).

2. Quan trắc môi trường nước thải:

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sau bể khử trùng.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, Độ màu, pH, BOD₅, COD, Lưu lượng, TSS, Tổng N, Tổng P, Coliform.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: Cột B của QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Ngoài ra, Chủ Cơ sở thực hiện quan trắc các thông số theo Tiêu chuẩn đầu vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Quán Ngang, quy định tại Giấy phép môi trường số 31/GPMT-BNNMT ngày 31/3/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Tối đa 33 thông số). Số lượng, loại thông số có thể điều chỉnh khi có Thỏa thuận hoặc Hợp đồng đấu nối của Chủ Cơ sở và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.

3. Quan trắc môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất của Nhà máy.

- Thông số quan trắc: Độ ồn, Độ rung, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO_x, H₂S.

- Tần suất quan trắc: 1 năm/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4. Giám sát chất thải rắn:

- Thông số quan trắc: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại.

- Tần suất quan trắc: 1 năm/lần.

- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại Nhà máy.